

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 -2026 (ĐỢT 2.1

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Mã KLTN	Bộ môn hướng dẫn
1	678090	Sek Sam Nang	Nam	03/08/2000	K67KTTC	KT04981	Kinh tế
2	678095	Yeelengva Naolepc	Nam	09/07/2002	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
3	677685	Nguyễn Văn An	Nam	05/02/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế
4	673711	Bùi Thị Thùy Anh	Nữ	23/01/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
5	674131	Đinh Ngọc Anh	Nam	14/09/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế tài nguyên và môi trường
6	673713	Hà Phương Anh	Nữ	15/04/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý kinh tế
7	677791	Hồ Quang Anh	Nam	08/11/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
8	678000	Hồ Thị Mai Anh	Nữ	12/03/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
9	677851	Hoàng Vân Anh	Nữ	26/06/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
10	673715	Kiều Ngọc Anh	Nữ	19/01/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
11	673717	Lê Hồ Đức Anh	Nam	18/12/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
12	673720	Nguyễn Hà Kiều Anh	Nữ	21/06/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
13	677737	Nguyễn Hữu Tùng Anh	Nam	24/11/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
14	673722	Nguyễn Lê Thùy Anh	Nữ	17/06/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
15	677721	Nguyễn Minh Anh	Nữ	15/12/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
16	673724	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	01/12/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế
17	674132	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	15/09/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
18	677726	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	09/10/2004	K67KTPTA	KT04994	Kinh tế tài nguyên và môi trường
19	673723	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	13/03/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
20	673708	Nguyễn Thị Châu Anh	Nữ	06/03/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
21	675123	Nguyễn Thị Huyền Anh	Nữ	29/03/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
22	677730	Nguyễn Thị Thúy Anh	Nữ	03/11/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
23	677679	Nguyễn Tiến Anh	Nam	15/11/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
24	677704	Nguyễn Việt Anh	Nam	15/09/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
25	677882	Phạm Thị Ngọc Anh	Nữ	13/07/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
26	677878	Thái Phương Anh	Nữ	07/11/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế
27	677888	Tổng Tuấn Anh	Nam	12/02/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
28	677784	Trần Mạnh Quang Anh	Nam	29/10/2004	K67KTSA	KT04990	Kinh tế tài nguyên và môi trường
29	675151	Vũ Mai Anh	Nữ	09/02/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
30	673707	Vũ Thị Quỳnh Anh	Nữ	01/09/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý phát triển
31	673735	Lê Ngọc Ánh	Nữ	25/04/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
32	677671	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	28/10/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
33	677684	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	08/02/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
34	677841	Phạm Khắc Ánh	Nam	02/07/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
35	677792	Vũ Thị Ánh	Nữ	05/05/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
36	673736	Vũ Thị Ngọc Ánh	Nữ	28/02/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế
37	673737	Lãnh Duy Bách	Nam	31/05/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
38	677798	Trần Thái Bảo	Nam	21/10/2004	K67KTTC	KT04981	Quản lý kinh tế
39	677870	Vũ Gia Bảo	Nữ	04/12/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
40	673745	Lê Thị Hải Châu	Nữ	10/01/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế
41	677883	Bùi Linh Chi	Nữ	02/11/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
42	677711	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	19/11/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
43	675195	Vũ Thị Tuyết Chinh	Nữ	16/03/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
44	677854	Ngô Thị Ngọc Chúc	Nữ	12/09/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
45	673746	Trần Đình Chương	Nam	01/10/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
46	677835	Nguyễn Thực Cường	Nam	01/10/2004	K67KTTCB	KT04981	Quản lý kinh tế
47	673751	Phạm Văn Đắc	Nam	05/04/2003	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
48	678010	Nguyễn Văn Đại	Nam	28/09/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách

TT	Mã SV	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Lớp	Mã KLTN	Bộ môn hướng dẫn
49	677773	Phùng Đức	Đại	Nam	17/10/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
50	673752	Đoàn Hải	Đang	Nam	28/08/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
51	673759	Đỗ Tiến	Đạt	Nam	03/11/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
52	673761	Hoàng Tiến	Đạt	Nam	18/02/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
53	673763	Nguyễn Thành	Đạt	Nữ	22/07/2004	K67KTTC	KT04981	Quản lý kinh tế
54	673757	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	09/08/2003	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế tài nguyên và môi trường
55	673766	Lê Thị Kiều	Diễm	Nữ	04/06/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
56	677840	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nữ	20/06/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
57	673767	Đinh Ngọc	Diệp	Nữ	10/04/2004	K67KTPTA	KT04994	Kinh tế tài nguyên và môi trường
58	675236	Lê Ngọc	Diệp	Nữ	27/08/2004	K67QLNNLA	KT04982	Quản lý kinh tế
59	673768	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	17/07/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế
60	678009	Hàn Linh	Diệu	Nữ	25/12/2003	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
61	673770	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	Nữ	17/10/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
62	673771	Diễm Thị	Dịu	Nữ	30/12/2004	K67KTA	KT04993	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
63	675247	Doãn Thị	Dịu	Nữ	13/08/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
64	673774	Nguyễn Vũ Hải	Đông	Nam	04/08/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
65	677806	Đỗ Tiến	Đức	Nam	08/06/2004	K67KTTCB	KT04981	Quản lý kinh tế
66	677955	Nguyễn Mạnh	Đức	Nam	12/10/2002	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế tài nguyên và môi trường
67	677970	Phạm Anh	Đức	Nam	06/09/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
68	675266	Bùi Thị	Dung	Nữ	17/04/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
69	677668	Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	26/03/2003	K67KTB	KT04993	Kinh tế
70	675265	Lê Xuân	Dung	Nam	02/01/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
71	677894	Nguyễn Phương	Dung	Nữ	08/07/2004	K67KTTC	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
72	673785	Nguyễn Phương	Dung	Nữ	29/10/2003	K67KTA	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
73	677987	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	16/07/2003	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
74	673784	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	15/08/2003	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
75	673792	Trương Anh	Dũng	Nam	05/09/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
76	673787	Vũ Nguyễn	Dũng	Nam	23/10/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
77	673794	Đặng Tùng	Dương	Nam	21/12/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
78	677906	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	01/10/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
79	678005	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	08/07/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
80	673797	Lương Hữu	Duy	Nam	03/08/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
81	673799	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	07/07/2004	K67KTTC	KT04981	Quản lý kinh tế
82	673798	Trần Kỳ	Duyên	Nữ	05/08/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
83	677975	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	07/12/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế tài nguyên và môi trường
84	673813	Đoàn Thu	Hà	Nữ	23/07/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
85	673815	Nguyễn Việt	Hà	Nữ	24/03/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
86	673812	Trần Việt	Hà	Nam	04/04/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
87	674138	Lò Trung	Hải	Nam	17/12/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
88	673818	Phạm Đức	Hải	Nam	03/09/2004	K67KTPTA	KT04994	Kinh tế
89	677809	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	07/01/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
90	677849	Nguyễn Bích	Hằng	Nữ	25/02/2004	K67KTTC	KT04981	Quản lý kinh tế
91	673820	Nguyễn Lê Thu	Hằng	Nữ	29/10/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
92	677712	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	22/08/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
93	678071	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/12/2004	K67KTPTA	KT04994	Quản lý phát triển
94	677834	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	12/10/2004	K67KTTCB	KT04981	Quản lý kinh tế
95	673822	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	25/05/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
96	677796	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	24/11/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
97	677698	Vũ Thị Thanh	Hằng	Nữ	20/06/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
98	673824	Lư Hồng	Hạnh	Nữ	05/12/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
99	677813	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	19/04/2004	K67KTTCB	KT04981	Quản lý kinh tế

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Mã KLTN	Bộ môn hướng dẫn
100	677734	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	02/12/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
101	677991	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	01/12/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
102	673827	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	02/08/2004	K67KTSa	KT04990	Quản lý kinh tế
103	677664	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	22/08/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý kinh tế
104	673831	Vũ Thúy Hiền	Nữ	01/01/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
105	677688	Hoàng Minh Hiếu	Nam	17/10/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
106	673837	Mạc Trung Hiếu	Nam	25/01/2004	K67KTDTA	KT04998	Kinh tế tài nguyên và môi trường
107	673834	Nguyễn Ngọc Hiếu	Nam	30/07/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
108	673839	Phạm Vũ Minh Hiếu	Nam	06/11/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
109	673840	Vũ Minh Hiếu	Nam	30/04/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
110	678081	Nguyễn Thanh Hoa	Nữ	13/11/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
111	677876	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Nữ	31/12/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
112	677863	Vũ Thị Hoa	Nữ	17/03/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
113	673843	Hà Ngọc Hòa	Nam	22/11/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
114	677904	Nguyễn Văn Hoàn	Nam	19/11/2004	K67KTTCB	KT04981	Kế hoạch và đầu tư
115	673848	Đoàn Mạnh Hoàng	Nam	17/10/2004	K67KTA	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
116	6669018	Lê Hữu Thái Hoàng	Nam	27/11/2003	K66QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
117	673847	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	06/10/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
118	674142	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	02/02/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế tài nguyên và môi trường
119	674143	Phan Thị Mỹ Hồng	Nữ	28/09/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
120	677715	Lê Thị Huế	Nữ	06/09/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
121	674144	Nguyễn Hồng Huệ	Nữ	05/10/2004	K67KTNNA	KT04991	Quản lý kinh tế
122	677985	Vũ Mai Huệ	Nữ	21/02/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
123	673852	Hoàng Đức Hùng	Nam	09/11/2003	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
124	673854	Nguyễn Triệu Hùng	Nam	27/05/2004	K67KTTCA	KT04981	Quản lý kinh tế
125	673857	Nguyễn Đắc Hưng	Nam	22/01/2004	K67KTA	KT04993	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
126	677678	Mai Thu Hương	Nữ	27/05/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
127	675480	Nguyễn Thị Hương	Nữ	20/07/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
128	677804	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	04/11/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
129	677672	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	24/02/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
130	673861	Trần Diệu Hương	Nữ	08/05/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
131	673863	Vũ Thu Hương	Nữ	08/10/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
132	675485	Lê Thị Hường	Nữ	10/10/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
133	677891	Nguyễn Thị Thúy Hường	Nữ	02/02/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
134	675492	Trần Thị Thu Hường	Nữ	11/01/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
135	673864	Lê Mạnh Huy	Nam	30/05/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
136	677990	Nguyễn Gia Huy	Nam	16/05/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
137	673866	Nguyễn Quang Huy	Nam	22/10/2003	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
138	677799	Đào Thương Huyền	Nữ	27/04/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
139	673872	Dương Thị Thu Huyền	Nữ	03/05/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
140	673870	Hoàng Nguyễn Thar Huyền	Nữ	18/12/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
141	675516	Hoàng Thu Huyền	Nữ	22/07/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
142	677869	Nguyễn Diệu Huyền	Nữ	08/12/2004	K67KTTCA	KT04981	Quản lý kinh tế
143	6653575	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	16/02/2003	K66KTTCA	KT04981	Kinh tế
144	673876	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	11/01/2004	K67KTSa	KT04990	Quản lý kinh tế
145	677691	Nguyễn Thị Thảo Huyền	Nữ	14/12/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
146	673877	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	12/11/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
147	673882	Nguyễn Quang Khải	Nam	26/03/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
148	674145	Đỗ Văn Khánh	Nữ	06/01/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
149	677670	Võ Minh Khánh	Nam	31/07/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý kinh tế
150	673885	Đỗ Đức Kiên	Nam	06/12/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Mã KLTN	Bộ môn hướng dẫn
151	677663	Vũ Dương Thúy Kiều	Nữ	19/06/2003	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
152	673888	Nguyễn Thị Lâm	Nữ	23/04/2004	K67KTDTA	KT04998	Kinh tế tài nguyên và môi trường
153	673889	Phạm Bảo Lâm	Nam	03/03/2004	K67KTTCA	KT04981	Kế hoạch và đầu tư
154	673891	Lê Phương Lan	Nữ	16/09/2003	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
155	677706	Nguyễn Thị Phương Lan	Nữ	30/07/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
156	677725	Phạm Thị Ngọc Lan	Nữ	18/12/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
157	673893	Bùi Thị Bằng Lăng	Nữ	12/09/2003	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
158	673894	Bế Thị Lệ	Nữ	26/09/2004	K67KTPTA	KT04994	Quản lý kinh tế
159	677821	Doãn Thị Liên	Nữ	04/08/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
160	673898	Bùi Hoàng Nhật Linh	Nữ	08/04/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý kinh tế
161	673899	Bùi Khánh Linh	Nữ	07/10/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
162	677993	Bùi Phương Linh	Nữ	29/02/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
163	675602	Đào Khánh Linh	Nam	13/01/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
164	677979	Đinh Thị Khánh Linh	Nữ	19/08/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
165	677750	Đỗ Thị Khánh Linh	Nữ	18/10/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
166	673902	Hoàng Mai Linh	Nữ	10/08/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
167	673903	Hoàng Thị Khánh Linh	Nữ	20/09/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
168	677788	Lê Thị Huyền Linh	Nữ	04/10/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
169	677780	Lê Thùy Linh	Nữ	16/03/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý phát triển
170	677981	Lương Thị Mỹ Linh	Nữ	08/05/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý phát triển
171	673895	Ngô Ngọc Linh	Nữ	01/03/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
172	674149	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	02/09/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
173	673909	Nguyễn Lưu Gia Linh	Nữ	08/05/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý kinh tế
174	675587	Nguyễn Lý Khánh Linh	Nữ	13/01/2004	K67QLNNLA	KT04982	Quản lý phát triển
175	677899	Nguyễn Quang Linh	Nam	23/01/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
176	673911	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	02/11/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
177	675626	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	31/12/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
178	678007	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	18/09/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
179	677779	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	11/04/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
180	673912	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	10/07/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý kinh tế
181	673897	Phạm Hồng Khánh Linh	Nữ	17/12/2003	K67KTPTA	KT04994	Kinh tế tài nguyên và môi trường
182	677781	Phạm Thị Hà Linh	Nữ	07/07/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
183	675637	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	14/07/2004	K67QLNNLA	KT04982	Quản lý phát triển
184	673914	Tổng Thị Khánh Linh	Nữ	21/01/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
185	673915	Trần Thị Hoài Linh	Nữ	05/01/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
186	677868	Trần Thùy Linh	Nữ	09/12/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
187	675590	Võ Khánh Linh	Nữ	13/03/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
188	677790	Vũ Khánh Linh	Nữ	08/10/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
189	677707	Vũ Thị Thùy Linh	Nữ	18/09/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý kinh tế
190	673916	Nguyễn Ngọc Loan	Nữ	19/08/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
191	677996	Nguyễn Thanh Loan	Nữ	19/08/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế tài nguyên và môi trường
192	677837	Nguyễn Thị Bích Loan	Nữ	14/04/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
193	673917	Trần Thanh Loan	Nữ	15/08/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
194	673919	Đỗ Thành Lộc	Nam	30/11/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý phát triển
195	673920	Lê Thị Lộc	Nữ	06/11/2004	K67KTDTA	KT04998	Quản lý kinh tế
196	673923	Lê Đức Long	Nam	24/07/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
197	673925	Nguyễn Vũ Long	Nam	10/08/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
198	673922	Phạm Quang Long	Nam	24/04/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
199	673928	Tạ Văn Lượng	Nam	03/11/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý phát triển
200	673931	Lê Như Mai	Nữ	18/08/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
201	674152	Trần Thị Ngọc Mai	Nữ	24/12/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp và chính sách

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Mã KLTN	Bộ môn hướng dẫn
202	677708	Trịnh Đức Mạnh	Nam	04/11/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế
203	673934	Cao Thị Mây	Nữ	22/01/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
204	677836	Nguyễn Thị Hà Mây	Nữ	13/10/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
205	673937	Hoàng Anh Minh	Nam	31/05/2004	K67KTA	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
206	673940	Nguyễn Thị Bảo Minh	Nữ	29/06/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
207	673935	Phạm Đình Minh	Nam	16/05/2003	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
208	677793	Phạm Ngọc Minh	Nam	08/04/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
209	677716	Phạm Tuấn Minh	Nam	03/11/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế
210	673936	Triệu Tài Minh	Nam	06/04/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
211	677666	Đỗ Thị Trà My	Nữ	29/07/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
212	677886	Mai Thị Trà My	Nữ	21/03/2004	K67KTTCB	KT04981	Quản lý kinh tế
213	677775	Nguyễn Trà My	Nữ	11/03/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
214	673941	Phùng Thị Hà My	Nữ	22/06/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
215	677746	Trần Gia Mỹ	Nữ	02/09/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
216	677890	Đinh Thúy Nga	Nữ	29/09/2004	K67KTTCB	KT04981	Quản lý kinh tế
217	673950	Trần Thanh Nga	Nữ	06/01/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
218	675746	Đặng Thị Kim Ngân	Nữ	29/05/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
219	673951	Ngô Thị Kim Ngân	Nữ	23/07/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
220	674156	Nguyễn Hoàng Ngân	Nữ	27/12/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
221	673952	Nguyễn Thị Bích Ngân	Nữ	18/10/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
222	673954	Hồ Đại Nghĩa	Nam	25/12/2003	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
223	677783	Nguyễn Hữu Nghiệp	Nam	13/04/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
224	677875	Hoàng Ánh Ngọc	Nữ	28/02/2004	K67KTTCA	KT04981	Quản lý kinh tế
225	677754	Lê Quý Ngọc	Nữ	22/08/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
226	677881	Ma Khánh Ngọc	Nữ	18/08/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
227	673959	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	07/05/2004	K67KTPTA	KT04994	Kinh tế tài nguyên và môi trường
228	675774	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	12/09/2002	K67QLNNLA	KT04982	Quản lý phát triển
229	673960	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	24/09/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
230	673963	Đinh Trung Nguyên	Nam	07/06/2004	K67KTPTA	KT04994	Quản lý phát triển
231	677848	Lê Văn Nguyên	Nam	01/04/2004	K67KTTCB	Kt04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
232	673964	Nguyễn Minh Nguyệt	Nữ	03/07/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý phát triển
233	673965	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	29/03/2004	K67KTPTA	KT04994	Quản lý kinh tế
234	673966	Thái Thị Minh Nguyệt	Nữ	24/05/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
235	673967	Chu Thanh Nhân	Nữ	29/09/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
236	673970	Cáp Thị Yến Nhi	Nữ	15/04/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
237	673972	Lương Uyên Nhi	Nữ	16/08/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
238	677850	Nguyễn Ngọc Nhi	Nữ	22/02/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
239	677989	Nguyễn Phương Nhi	Nữ	11/01/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế
240	677709	Vũ Thị Yến Nhi	Nữ	16/12/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
241	675824	Đỗ Đình Nhu	Nam	23/06/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
242	677846	Đỗ Thị Hồng Nhung	Nữ	09/06/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
243	677729	Hoàng Thị Hồng Nhung	Nữ	04/01/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
244	678004	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	05/12/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
245	673975	Kim Văn Ninh	Nam	29/05/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý phát triển
246	675848	Bùi Thị Nữ	Nữ	27/01/2004	K67QLNNLA	KT04982	Quản lý phát triển
247	677839	Phạm Ngọc Oanh	Nữ	12/04/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
248	677983	Đặng Thị Quỳnh Phong	Nữ	13/04/2003	K67QLKTA	KT04995	Kế hoạch và đầu tư
249	673976	Nguyễn Ích Phong	Nam	26/09/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
250	673977	Nguyễn Đức Phú	Nam	11/01/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
251	673978	Nguyễn Thị Phú	Nữ	04/11/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế tài nguyên và môi trường
252	677732	Nguyễn Văn Phú	Nam	19/01/2003	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư

TT	Mã SV	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Lớp	Mã KLTN	Bộ môn hướng dẫn
253	673980	Hoàng Đại	Phúc	Nam	08/06/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
254	673986	Bùi Thị Thu	Phương	Nữ	19/05/2004	K67KTTCA	KT04981	Quản lý kinh tế
255	673989	Đặng Thị	Phương	Nữ	20/12/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
256	673983	Diệp Minh	Phương	Nam	24/06/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
257	673988	Đinh Thu	Phương	Nữ	11/06/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
258	677861	Lê Thu	Phương	Nữ	09/06/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
259	673992	Ngô Thị Thu	Phương	Nữ	16/07/2003	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
260	673985	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	13/01/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
261	673993	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	31/12/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
262	677826	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	16/10/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
263	673996	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	10/03/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
264	678006	Phạm Thị Mai	Phương	Nữ	22/10/2003	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
265	677776	Vũ Thị	Phương	Nữ	17/02/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý phát triển
266	673998	Vũ Thu	Phương	Nữ	03/10/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
267	677866	Hà Thị	Phượng	Nữ	19/04/2004	K67KTTCA	KT04981	Quản lý kinh tế
268	673999	Vũ Bích	Phượng	Nữ	29/10/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
269	674000	Bùi Anh	Quân	Nam	29/02/2004	K67KTTCB	KT04981	Quản lý kinh tế
270	675897	Nguyễn Minh	Quân	Nam	26/12/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
271	674002	Nguyễn Trung	Quân	Nam	27/11/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
272	677857	Trần Anh	Quân	Nam	24/10/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
273	677824	Đinh Xuân	Quang	Nam	28/11/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
274	677723	Hoàng Đình	Quang	Nam	11/07/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
275	674013	Ngô Mạnh	Quyết	Nam	08/01/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý kinh tế
276	674161	Giáp Như	Quỳnh	Nữ	23/07/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
277	677669	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	12/07/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
278	674747	Tạ Hương	Quỳnh	Nữ	22/07/2004	K67KTA	KT04993	Kinh tế
279	677820	Hoàng Thị	Sấm	Nữ	27/02/2001	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
280	674020	Nguyễn Văn	Son	Nam	02/11/2003	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
281	674021	Sùng A	Sù	Nam	20/06/2004	K67KTA	KT04993	Kế hoạch và đầu tư
282	677794	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	07/06/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
283	674030	Vũ Thị Hồng	Thắm	Nữ	24/12/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý kinh tế
284	677748	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	11/12/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
285	677717	Đỗ Thị Phương	Thanh	Nữ	17/06/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
286	674034	Phạm Thị	Thanh	Nữ	09/10/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
287	677872	Trần Thị	Thanh	Nữ	26/03/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
288	677879	Vũ Thị Ngọc	Thanh	Nữ	17/12/2004	K67KTTCB	KT04981	Kế hoạch và đầu tư
289	674036	Phạm Văn	Thành	Nam	22/02/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
290	677802	Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	28/01/2004	K67KTTCA	KT04981	Kinh tế
291	674042	Đặng Phương	Thảo	Nữ	23/11/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
292	677812	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	23/03/2004	K67KTTCB	KT04981	Quản lý kinh tế
293	677699	Ngô Thị Thanh	Thảo	Nữ	21/08/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý kinh tế
294	674040	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	25/06/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
295	674038	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	28/07/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
296	674050	Phạm Phương	Thảo	Nữ	24/06/2004	K67KTTCA	KT04981	Quản lý kinh tế
297	677862	Phan Hà Thu	Thảo	Nữ	05/02/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế tài nguyên và môi trường
298	677771	Trần Thị	Thảo	Nữ	26/07/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý phát triển
299	677880	Trương Thị Phương	Thảo	Nữ	03/04/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
300	677898	Lương Thế	Thịnh	Nam	29/09/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
301	674053	Ngô Đức	Thông	Nam	18/09/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế tài nguyên và môi trường
302	677728	Nguyễn Minh	Thu	Nữ	29/05/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
303	677982	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	28/08/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế

TT	Mã SV	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Lớp	Mã KLTN	Bộ môn hướng dẫn
304	6668011	Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	14/03/2003	K66QLNNL	KT04982	Kế hoạch và đầu tư
305	674055	Hoàng Minh	Thư	Nữ	21/10/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
306	674057	Lê Thị Thanh	Thư	Nữ	05/02/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
307	677680	Phạm Minh	Thuần	Nữ	29/09/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
308	677887	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	30/03/2004	K67KTTCB	KT04981	Quản lý kinh tế
309	677867	Lê Thị	Thúy	Nữ	01/06/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
310	676051	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	20/12/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
311	674061	Hoàng Thị Minh	Thùy	Nữ	30/06/2002	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
312	676053	Nguyễn Diệu	Thùy	Nữ	14/02/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
313	676055	Nguyễn Phương	Thùy	Nữ	17/11/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
314	676060	Dương Thu	Thùy	Nữ	03/08/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
315	674064	Lê Thị	Thùy	Nữ	12/12/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
316	678001	Ngô Thị	Thùy	Nữ	06/02/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
317	677988	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	15/01/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
318	677675	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	18/11/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý kinh tế
319	674068	Nguyễn Mạnh	Tiến	Nam	08/07/2004	K67KTTCB	KT04981	Kế hoạch và đầu tư
320	674072	Bùi Đức	Toàn	Nam	30/12/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
321	677686	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	19/05/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế tài nguyên và môi trường
322	677884	Cao Thị Thu	Trang	Nữ	21/03/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
323	674077	Hà Thị	Trang	Nữ	04/02/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
324	676097	Hoàng Thị Thùy	Trang	Nữ	22/05/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
325	676098	La Thị Thu	Trang	Nữ	15/02/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
326	674078	Lê Kiều	Trang	Nữ	15/08/2004	K67KTA	KT04993	Kinh tế
327	677785	Lê Phương	Trang	Nữ	26/07/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
328	677859	Lê Thị	Trang	Nữ	11/01/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
329	674079	Lê Thu	Trang	Nữ	20/10/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
330	677807	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	08/05/2004	K67KTTCB	KT04981	Quản lý kinh tế
331	676107	Nguyễn Minh	Trang	Nữ	06/10/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
332	676092	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	09/11/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
333	674083	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	10/09/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
334	677855	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	29/07/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
335	676113	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	13/10/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
336	677695	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	05/10/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
337	677860	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	04/08/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
338	674085	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	09/09/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
339	677829	Phạm Thu	Trang	Nữ	19/02/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
340	677662	Phạm Thu	Trang	Nữ	24/09/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
341	677908	Tạ Doan	Trang	Nữ	26/11/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
342	677909	Tạ Thùy	Trang	Nữ	26/11/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
343	677972	Trần Huyền	Trang	Nữ	13/11/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế
344	674086	Đặng Thị Phương	Trinh	Nữ	09/11/2004	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế
345	674087	Nguyễn Thành	Trung	Nam	19/02/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
346	677673	Đinh Xuân	Trường	Nam	25/11/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế
347	674089	Kiều Đan	Trường	Nam	27/10/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
348	674092	Nguyễn Hữu	Tú	Nam	21/04/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý kinh tế
349	674094	Trần Anh	Tú	Nam	09/11/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
350	674098	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	11/12/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý phát triển
351	674099	Nguyễn Bá Mạnh	Tuấn	Nam	07/11/1999	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
352	677800	Nguyễn Hữu	Tuấn	Nam	24/10/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
353	676149	Phan Đỗ Quang	Tuấn	Nam	27/07/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
354	677758	Trần Văn	Tuấn	Nam	10/03/2003	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư

TT	Mã SV	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Lớp	Mã KLTN	Bộ môn hướng dẫn
355	677718	Phạm Tiến	Tuệ	Nam	12/11/2004	K67KTB	KT04993	Quản lý phát triển
356	677751	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	12/01/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
357	674164	Ngô Thị	Tươi	Nữ	20/06/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý kinh tế
358	676167	Lê Thị Ánh	Tuyệt	Nữ	08/07/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
359	677892	Tạ Thị Ánh	Tuyệt	Nữ	29/11/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
360	674105	Lê Đăng	Uy	Nam	23/12/2004	K67KTCA	KT04981	Kinh tế
361	677769	Ngô Thị Tố	Uyên	Nữ	09/04/2004	K67KTSA	KT04990	Quản lý kinh tế
362	676175	Vũ Thị Thu	Uyên	Nữ	13/12/2004	K67QLNNLA	KT04982	Quản lý phát triển
363	677676	Dương Tuyết	Vân	Nữ	11/08/2003	K67KTB	KT04993	Quản lý kinh tế
364	677864	Lò Thị	Vân	Nữ	25/07/2004	K67KTTCB	KT04981	Kế hoạch và đầu tư
365	677665	Nguyễn Thảo	Vân	Nữ	14/07/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế
366	674108	Nguyễn Thị Thảo	Vân	Nữ	22/07/2004	K67KTCA	KT04981	Kinh tế
367	674109	Nguyễn Thị Tú	Vân	Nữ	28/12/2003	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
368	674110	Trần Thị Ánh	Vân	Nữ	12/04/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
369	677874	Vũ Thị Thanh	Vân	Nữ	19/10/2004	K67KTCA	KT04981	Kinh tế
370	674800	Chữ Long	Vĩ	Nam	13/06/2004	K67KTCA	KT04981	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
371	674112	Hà Hùng	Vĩ	Nam	29/10/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển
372	674114	Đào Quốc	Việt	Nam	24/10/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế tài nguyên và môi trường
373	677724	Đinh Tuấn	Vũ	Nam	27/08/2004	K67KTB	KT04993	Kinh tế
374	674117	Vũ Đình	Vượng	Nam	07/08/2004	K67KTCA	KT04981	Quản lý phát triển
375	674118	Nguyễn Hà	Vy	Nữ	17/11/2004	K67KTCA	KT04981	Kinh tế
376	674166	Lâm Trần	Xuân	Nữ	04/01/2004	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
377	674119	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	22/01/2004	K67QLKTA	KT04995	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
378	676216	Trần Thanh	Xuân	Nữ	20/07/2004	K67QLNNLA	KT04982	Kinh tế tài nguyên và môi trường
379	674120	Vũ Thị Thanh	Xuân	Nữ	30/06/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
380	674124	Đỗ Hải	Yến	Nữ	07/06/2004	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế
381	677772	Hoàng Hải	Yến	Nữ	11/04/2004	K67KTSA	KT04990	Kinh tế tài nguyên và môi trường
382	677768	Nguyễn Bảo	Yến	Nữ	20/12/2004	K67KTSA	KT04990	Kinh tế tài nguyên và môi trường
383	677752	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	29/03/2004	K67KTDTA	KT04998	Kế hoạch và đầu tư
384	677693	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	21/08/2004	K67KTPTA	KT04994	Kinh tế nông nghiệp và chính sách
385	674128	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	23/11/2004	K67KTA	KT04993	Quản lý phát triển

Danh sách gồm 385 sinh viên